

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2020/HS-ST
Ngày 28/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lan Anh và bà Nguyễn Thị Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2020/TLST-HS, ngày 17/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2020/HSST - QĐ, ngày 15/9/2020, đối với bị cáo:

- **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Đức Đ và con bà Nguyễn Thị H (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Ngày 19/6/2014, bị cáo H đã bị TAND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 58 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo đã chấp hành xong các quyết định của bản án vào ngày 27/4/2018; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 15/08/2005, bị cáo H đã bị Chủ tịch UBND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội ra quyết định đưa vào Trung tâm cai nghiện bắt buộc huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, H đã chấp hành xong. Ngày 26/12/2005, bị cáo H đã bị TAND huyện Gia Lâm xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo đã chấp hành xong các quyết định của bản án. Ngày 26/11/2009, bị cáo H đã bị Chủ tịch UBND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội ra quyết định đưa vào Trung tâm cai nghiện bắt buộc huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, bị cáo đã chấp hành xong. Ngày 22/03/2011, bị cáo H đã bị TAND huyện Gia Lâm xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1

Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, bị cáo đã chấp hành xong các quyết định của bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/6/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt).

* Bị hại: - Anh Phạm Văn Lâm, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Tân Trung, xã Phú Cường, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Đinh Văn H, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: B, xã C, huyện B, tỉnh S.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 03/6/2020 Nguyễn Đức H đi bộ một mình từ nhà đến thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh B với mục đích xem có ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu nhà trọ của anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1975 ở sát mặt đường liên thôn thì thấy cửa cổng khu nhà trọ mở, các phòng trọ đã tắt đèn nên H đi bộ vào bên trong quan sát. H phát hiện thấy phòng trọ số 04 của anh Đinh Văn H, sinh năm 1991 ở B, xã C, huyện B, tỉnh S ở bên phải hướng từ cổng khu nhà trọ đi vào cửa vẫn mở, trong phòng điện bật sáng và có 03 nam thanh niên gồm: Anh Đinh Văn H, anh Đinh Văn H, sinh năm 1985 ở cùng bản với anh H; anh Đinh Văn T, sinh năm 2000 ở B, xã Đ, huyện P, tỉnh S đang nằm ngủ, trên đầu giường có 03 chiếc điện thoại đang sạc pin. Thấy vậy, H liền đi vào trong phòng dùng tay phải cầm 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A50S màu đen, có số IMEI 1:358193102061422; số IMEI 2: 358194102061420, lắp sim số 0368.957.556, ốp điện thoại bằng cao su màu nâu để ở phía ngoài cùng H đút vào túi quần phía trước bên trái đang mặc rồi đi bộ về (chiếc điện thoại này là của anh H). Khi về đến nhà, H bỏ chiếc điện thoại trộm cắp được ra kiểm tra thì thấy chiếc điện thoại đặt mặt khẩu màn hình. Do không biết phá mặt khẩu nên sáng ngày 04/6/2020 H mang chiếc điện thoại đến cửa hàng sửa chữa và mua bán điện thoại di động của anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1980 ở Phố K, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội để phá mặt khẩu màn hình và cài đặt lại toàn bộ phần mềm hết số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Sau đó Huân tháo sim số 0368.957.556 và ốp điện thoại bằng cao su màu nâu vứt đi, rồi lắp sim số 0373.547.914 của H vào để sử dụng. Cùng ngày sau khi biết hành vi phạm tội của mình đã bị phát giác, H đã đến Công an huyện T xin đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tự giác giao nộp chiếc điện thoại mà H đã trộm cắp được của anh H.

Quá trình điều tra H còn khai nhận buổi tối ngày 04/3/2020 H có mượn 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu trắng, không nhớ biển kiểm soát của 01 nam thanh niên không quen biết trong lúc ngồi uống nước tại địa điểm nào H không nhớ vì trời tối để đi có việc. Sau đó H điều khiển xe mô tô một mình đi đến thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh B với mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu nhà trọ của anh Nguyễn Văn C thì thấy cửa cổng mở, H dựng xe mô tô ở trước cổng rồi đi bộ vào trong quan sát các phòng trọ. H phát hiện thấy phòng trọ số 01 ở bên phải hướng từ cửa cổng đi vào, cửa mở nên H đi vào trong phòng thấy anh Phạm Văn L sinh năm 1986 ở thôn T, xã P, thành phố H, tỉnh H đang ngủ trên giường, trên đầu giường có 01 chiếc ví da màu đen và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu BKS: 89K3 - 1830 chìa khóa vẫn cắm ở ổ điện của xe được dựng đối diện cửa ra vào, đầu xe quay vào bên trong, đuôi xe quay ra cửa. H kiểm tra ví thì thấy bên trong có số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và 01 giấy đăng ký xe. H cầm tiền và giấy đăng ký xe đút vào túi quần phía sau bên phải H đang mặc, còn chiếc ví da ở vị trí cũ rồi quay ra dắt chiếc xe vừa trộm cắp ra ngoài đường nổ máy đi về nhà. Sau đó Huân thuê taxi quay lại khu trọ để lấy chiếc xe Wave mang trả cho nam thanh niên. Đến ngày 06/4/2020 Huân điều khiển chiếc xe Honda Dream, BKS: 89K3 - 1830 đến cửa hàng mua bán xe máy cũ “Minh Tuấn” của anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1975 ở thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh H bán được 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng). Khi bán xe H không nói cho anh T biết xe do H trộm cắp mà có. Đến ngày 09/06/2020 sau khi biết chiếc xe chiếc xe mô tô Dream, BKS: 89K3 - 1830 là do H trộm cắp mà có nên anh Tuấn đã tự giác giao nộp chiếc xe trên cùng đăng ký xe cho Cơ quan CSĐT Công an huyện T để phục vụ công tác điều tra.

Ngày 04/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra yêu cầu định giá tài sản số: 20/YCĐG yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T định giá đối với 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy A50S màu đen có số IMEI 1: 358193102061422; số IMEI 2: 358194102061420. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 14/KLĐG - HĐĐG, ngày 04/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Chiếc điện thoại Samsung Galaxy A50S màu đen có số IMEI 1: 358193102061422; số IMEI 2: 358194102061420 tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Ngày 06/6/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra yêu cầu định giá tài sản số: 22/YCĐG yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T định giá đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS 89K3 - 1830. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 10/KLĐG - HĐĐG, ngày 19/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS 89K3 - 1830 tại thời điểm bị chiếm đoạt giá trị là: 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số: 68/CTr - VKS, ngày 14/8/2020 của VKSND huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên toà đã phân tích động cơ, mục đích, nhân thân, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên nội dung như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức Huân phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Đức H từ 10 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2020 là ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với anh Phạm Văn L là bị hại trong vụ án đã nhận lại tài sản và anh L không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét. Đối với anh Đinh Văn H là bị hại trong vụ án chưa nhận lại tài sản là 01 điện thoại SamSung Galaxy A50S màu đen đã qua sử dụng mà Cơ quan điều tra Công an huyện T đã thu giữ của bị cáo nên trả lại chiếc điện trên cho anh Hành.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa Dream màu nâu, BKS 89K3 - 1830, có số khung: 0838Y017229, số máy: A08E-1020758 và 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số: 016221 của xe HonDa Dream, BKS 89K3 - 1830. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn L nên ngày 30/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Th trả lại cho anh L là phù hợp. Đối với 01 điện thoại SamSung Galaxy A50S màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 1: 358193102061422; số IMEI 2: 358194102061420 là tài sản hợp pháp của anh Đinh Văn H nên đề nghị HĐXX tuyên trả lại tài sản trên cho anh H.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của VKS và không có ý kiến gì.

Bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn L, anh Đinh Văn H và ông Nguyễn Minh T vắng mặt. Nhưng anh L anh Hành và ông Tuấn đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu hợp lệ. Anh Lâm, anh Hành và ông T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng gì đến nội dung vụ án nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh L anh H và ông T là phù hợp quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 03/6/2020 tại khu nhà trọ của anh Nguyễn Văn C ở thôn Đ, xã X, huyện T, tỉnh B, Nguyễn Đức H đã có hành vi trộm cắp của anh Đinh Văn H 01 chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy A50S màu đen, có ốp điện thoại bằng cao su màu nâu trị giá 3.000.000 đồng. Quá trình điều tra H còn khai nhận trước đó vào tối ngày 04/3/2020 cũng tại khu nhà trọ trên, H còn có hành vi trộm cắp của anh Phạm Văn L số tiền 300.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS: 89K3 - 1830 trị giá 11.000.000 đồng và 01 đăng ký của chiếc xe mô tô trên. Chiếc điện thoại H giữ lại để sử dụng cho bản thân còn xe mô tô H đã bán cho ông Nguyễn Minh T được số tiền là 7.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán xe H đã tiêu xài cá nhân hết. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo phạm vào tội “ Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, đúng như tội danh và điều luật mà VKSND huyện Thuận Thành đã truy tố bị cáo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới khách thể của tội phạm là quyền sở hữu tài sản được luật hình sự bảo vệ. Ngoài ra hành vi của bị cáo làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, đối với bị cáo cần xét xử nghiêm bằng chế tài hình sự mới có tác dụng phòng ngừa chung và giáo dục riêng bị cáo.

Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Ngày 15/08/2005, bị cáo đã bị Chủ tịch UBND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội ra Quyết định đưa vào Trung tâm cai nghiện bắt buộc huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Ngày 26/12/2005, bị cáo đã bị TAND huyện Gia Lâm xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Ngày 26/11/2009, bị cáo đã Huân bị Chủ tịch UBND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội ra Quyết định đưa vào Trung tâm cai nghiện bắt buộc huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Ngày 22/03/2011, bị cáo đã bị TAND huyện Gia Lâm xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xét thấy, mặc dù bị cáo đã chấp hành xong các Quyết định và các bản án nêu trên, nhưng xác định bị cáo là người có nhân thân xấu.

Xét về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo thì thấy: Tính đến ngày phạm tội mới là ngày 04/3/2020 thì bị cáo chưa được xóa án tích của bản án số

93/2014/HSST, ngày 19/6/2014 của TAND huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Do vậy, lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm”; Trong 02 ngày là ngày 04/3/2020 và ngày 03/6/2020 bị cáo đã thực hiện 02 hành vi cấp tài sản mà mỗi hành vi trộm cắp của bị cáo đều đủ cấu thành tội Trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên”. Đây là hai tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo nhận thức đầy đủ hành vi trái pháp luật, nhưng chỉ vì lười lao động để có tiền tiêu sài cá nhân mà bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên sau khi vụ án bị phát hiện, biết không thể trốn tránh pháp luật được nên bị cáo đã đến Công an huyện T đầu thú. Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi được. Bị cáo đã từng có thời gian tham gia trong quân ngũ. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Xét thấy, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do vậy khi lượng hình cần được xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng bổ sung là hình phạt tiền được quy định khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với sim điện thoại số 0368.957.556 và ốp điện thoại bằng cao su màu nâu của chiếc điện thoại Samsung Galaxy A50S màu đen, sau khi trộm cắp được bị cáo đã tháo và vứt đi. Do bị cáo không nhớ vị trí, địa điểm cụ thể nơi bị cáo vứt nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T, tỉnh B không có căn cứ để truy tìm.

Đối với ông Nguyễn Minh T là người mua lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu, BKS 89K3 - 1830 do bị cáo trộm cắp được. Tuy nhiên khi mua ông T không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh B không xem xét xử lý đối với ông T là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Văn D là người giúp Huân phá mật khẩu chiếc điện thoại Samsung Galaxy A50S màu đen do H trộm cắp được. Tuy nhiên anh D không biết chiếc điện thoại trên là bị cáo phạm tội mà có. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh B không xem xét xử lý đối với anh D là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với người nam thanh niên đã cho bị cáo mượn xe Wave để bị cáo đi trộm cắp tài sản và đối với người lái Taxi đã thuê chở bị cáo đến lấy chiếc xe Wave về để trả cho người nam thanh niên đã cho bị cáo mượn. Do những người trên đều không biết việc bị cáo mượn xe và thuê để trộm cắp tài sản. Mặt khác bị cáo cũng không biết

tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của những người này nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T không xem xét xử lý là phù hợp quy định của pháp luật.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Đối với anh Phạm Văn L là bị hại trong vụ án đã nhận lại tài sản và anh L không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét, giải quyết. Đối với anh Đinh Văn H là bị hại trong vụ án chưa nhận lại tài sản là 01 điện thoại SamSung Galaxy A50S màu đen đã qua sử dụng mà Cơ quan điều tra Công an huyện T đã thu giữ của bị cáo nên HĐXX cần tuyên trả lại cho anh H.

[4]. Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HonDa Dream màu nâu, BKS 89K3 - 1830, có số khung: 0838Y017229, số máy: A08E-1020758 và 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số: 016221 của xe HonDa Dream, BKS 89K3 - 1830. Xét thấy, đây là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn L nên ngày 30/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trả lại cho anh Lâm là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX không đặt ra xem xét. Đối với 01 điện thoại SamSung Galaxy A50S màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 1: 358193102061422; số IMEI 2: 358194102061420 là tài sản hợp pháp của anh Đinh Văn H nên HĐXX cần tuyên trả lại tài sản trên cho anh H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức H phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2020 là ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

* Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho anh Đinh Văn H 01 điện thoại SamSung Galaxy A50S màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 1: 358193102061422; số IMEI 2: 358194102061420 (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/9/2020 giữa Công an huyện T với Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Đức H phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B.
- VKSND tỉnh B.
- VKSND huyện T
(án có hiệu lực pháp luật).
- Bị cáo.
- UBND xã nơi bị cáo cư trú.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Xuân Hà

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Lan Anh

Nguyễn Thị Sơn

Phạm Xuân Hà

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN THÀNH
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 40 phút, ngày 28 tháng 9 năm 2020;
Tại: Trụ sở TAND huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Lan Anh và bà Nguyễn Thị Sơn.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2020/TLST- HS, ngày 17 tháng 8 năm 2020 đối với:

Bị cáo Nguyễn Đức Huân, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn Giao Tất A, xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu Huân phạm tội “ Trộm cắp tài sản”. Biểu quyết nhất trí: 3/3.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Huân 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/6/2020 là ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Biểu quyết nhất trí: 3/3.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho anh Đinh Văn Hành 01 điện thoại SamSung Galaxy A50S màu đen đã qua sử dụng có số IMEI 1: 358193102061422; số IMEI 2: 358194102061420 (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/9/2020 giữa Công an huyện Thuận Thành với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành). Biểu quyết nhất trí: 3/3.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Đức Huân phải chịu 200.000đ án phí HSST. Biểu quyết nhất trí: 3/3.

5. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. Biểu quyết nhất trí: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Lan Anh

Nguyễn Thị Sơn

Phạm Xuân Hà